

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĨNH KHÁNH**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 93 CV/VCOM /VPTGD /17

v/v công bố thông tin Báo cáo tài chính
kiểm toán năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**
2. Mã chứng khoán: VKC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 854 Quốc lộ 1K, KP. Châu Thới, P.Bình An, TX. Dĩ An, Bình Dương
4. Điện thoại: 0650 3751 501 Fax: 0650 3751 699
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông LƯƠNG MINH TUẤN
6. Nội dung thông tin công bố:
 - + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh được lập ngày 29/03/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - + Nội dung giải trình chênh lệch trước và sau khi kiểm toán tại công văn số 92 CV/VCOM/TCKT/17 ngày 30/03/2017.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.vcom.vcom.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VPTGD

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
NHỰA VĨNH KHÁNH**
Số: 92 CV/VCOM/TCKT/17

v/v giải trình chênh lệch LNST năm 2016
giữa BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC
tự lập năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

Theo báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán. Công ty Công ty Cổ Phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội về việc chênh lệch giữa lợi nhuận sau thuế báo cáo đã được kiểm toán năm 2016 và báo cáo tài chính tự lập năm 2016 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Kiểm toán điều chỉnh tăng doanh thu thuần (Trình bày lại bút toán)	1,380,121,220
2	Kiểm toán điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán	5,977,510,087
3	Kiểm toán điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính	331,405,561
4	Kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí tài chính	94,461,700
5	Kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	2,034,826,531
6	Kiểm toán điều chỉnh tăng thu nhập khác	5,078,315
7	Kiểm toán điều chỉnh giảm chi phí khác	10,706,362
8	Như vậy làm giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	2,783,721,520
9	Làm phát sinh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	621,001,576
10	Làm giảm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,162,719,944

Trân trọng.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VPTGD

Bình Dương, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám Đốc

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016	12 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 26 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : +84 (650) 3751 501
Fax : +84 (650) 3751 699
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế.).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Ngày từ nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016

4.2 Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	05/05/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	10/06/2015
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính – KTT	28/12/2015

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Quy Chương – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 38.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Biên bản họp của HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh ngày 24/03/2017, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật đối với Ông Lâm Quy Chương từ ngày 24/03/2017 và bổ nhiệm Ông Lương Minh Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 (từ trang 08 đến trang 38), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu **VIETVALUES**.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		523,288,483,438	453,022,002,718
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	226,018,102,803	106,658,600,272
111	1. Tiền		126,654,749,303	63,835,522,196
112	2. Các khoản tương đương tiền		99,363,353,500	42,823,078,076
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		134,738,767,583	156,557,744,914
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	96,448,533,102	134,731,865,138
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	14,292,696,808	17,799,067,318
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	25,000,000,000	5,500,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.1	4,396,273,822	3,687,140,731
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(5,398,736,149)	(5,160,328,273)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	159,653,057,164	186,553,899,408
141	1. Hàng tồn kho		169,053,389,710	189,697,642,343
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(9,400,332,546)	(3,143,742,935)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,878,555,888	3,251,758,124
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	35,330,966
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,868,186,564	2,826,168,732
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	10,369,324	390,258,426
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		152,975,091,908	122,390,879,949
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381,928,829	381,928,829
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	381,928,829	381,928,829
220	II. Tài sản cố định		135,770,177,797	107,549,103,397
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	129,851,518,759	100,988,927,275
222	- Nguyên giá		303,639,470,124	258,243,693,617
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(173,787,951,365)	(157,254,766,342)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	2,811,420,550	3,129,694,570
225	- Nguyên giá		3,182,740,240	3,182,740,240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(371,319,690)	(53,045,670)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	3,107,238,488	3,430,481,552
228	- Nguyên giá		7,097,402,879	7,097,402,879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,990,164,391)	(3,666,921,327)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10,435,688,989	8,017,739,858
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	10,435,688,989	8,017,739,858
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6,387,296,293	6,442,107,865
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	5,835,370,065	4,909,689,091
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	551,926,228	1,532,418,774
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		676,263,575,346	575,412,882,667

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		408,614,707,192	405,308,400,399
310	I. Nợ ngắn hạn		404,057,753,945	403,640,998,152
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	124,005,378,467	163,471,781,081
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	803,496,613	1,632,550,672
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	8,670,693,545	4,616,540,089
314	4. Phải trả người lao động	V.17	4,524,238,719	2,884,991,187
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	879,319,053	581,017,982
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	650,681,250	770,305,156
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20.1	261,737,472,351	227,620,576,650
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2,786,473,947	2,063,235,335
330	II. Nợ dài hạn		4,556,953,247	1,667,402,247
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20.2	4,556,953,247	1,667,402,247
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		267,648,868,154	170,104,482,268
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	267,648,868,154	170,104,482,268
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200,000,000,000	130,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200,000,000,000	130,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11,384,120,000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13,924,626,068	13,924,626,068
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42,340,122,086	26,179,856,200
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2,148,979,480	3,525,472,602
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		40,191,142,606	22,654,383,598
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		676,263,575,346	575,412,882,667

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,146,803,640,734	1,055,884,376,138
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1,146,803,640,734	1,055,884,376,138
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1,035,635,503,903	976,436,714,614
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111,168,136,831	79,447,661,524
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3,322,440,885	2,231,637,741
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	19,815,009,133	17,649,309,191
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		19,241,995,781	16,501,940,017
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	23,414,336,690	18,443,068,506
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19,354,545,829	15,683,617,446
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51,906,686,064	29,903,304,122
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1,152,344,736	667,841,081
32	12. Chi phí khác	VI.8	1,005,694,756	1,180,705,919
40	13. Lợi nhuận khác		146,649,980	(512,864,838)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52,053,336,044	29,390,439,284
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	10,881,700,892	6,632,955,523
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	980,492,546	103,100,163
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40,191,142,606	22,654,383,598
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.10	2,450	1,394
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.11	2,450	1,394

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		52,053,336,044	29,390,439,284
	2. Điều chỉnh các khoản		40,097,654,175	36,167,693,989
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		17,348,679,873	15,067,088,410
03	- Các khoản dự phòng		6,494,997,487	757,427,821
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(419,904,452)	27,816,748
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,568,114,514)	3,813,420,993
06	- Chi phí lãi vay		19,241,995,781	16,501,940,017
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		92,150,990,219	65,558,133,273
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		22,969,325,602	9,737,924,625
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		20,644,252,633	6,567,919,640
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(39,157,115,592)	22,867,767,734
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(890,350,008)	(2,086,714,673)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19,161,149,255)	(16,389,559,139)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7,126,721,224)	(3,400,437,752)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3,807,638,108)	(1,896,914,816)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		65,621,594,267	80,958,118,892
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(48,419,993,638)	(32,966,424,587)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		331,375,267	(721,760,635)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50,000,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50,000,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,669,029,481	1,274,838,956
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(45,419,588,890)	(32,413,346,266)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		81,384,120,000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		785,234,721,516	731,025,084,637
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(747,793,300,315)	(729,991,879,184)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(434,974,500)	(645,388,993)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19,485,137,000)	(14,276,000,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		98,905,429,701	(13,888,183,540)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		119,107,435,078	34,656,589,086
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		106,658,600,272	71,962,946,261
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		252,067,453	39,064,925
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	226,018,102,803	106,658,600,272

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tét bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, toàn bộ các đơn vị này đều hạch toán chung vào văn phòng Công ty.

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
4. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 265 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 263 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản thuế

Máy móc và thiết bị

Số năm khấu hao ước tính

07 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Thành phẩm, hàng hóa của Công ty bao gồm: Cáp, nhựa và vỏ xe.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 22.640 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 22.640 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, tỷ giá 22.820 VNĐ/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	367.884.851	440.012.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.286.864.452	63.395.509.266
Các khoản tương đương tiền	99.363.353.500	42.823.078.076
Cộng	<u>226.018.102.803</u>	<u>106.658.600.272</u>

1.1 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	11.404.803.692	10.860.213.238
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	50.048.998.821	14.058.039.294
- Ngân hàng TMCP Á Châu	409.550.987	390.874.155
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	2.500.000.000	2.513.951.389
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	20.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Tân Bình	15.000.000.000	-
Cộng	<u>99.363.353.500</u>	<u>42.823.078.076</u>

(*) Giá trị của các hợp đồng tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	96.448.533.102	134.731.865.138
- Trung Tâm Cung Ứng Vật Tư - Viễn Thông Tp.HCM	13.749.216.550	12.302.388.219
- Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	10.158.920.750	31.484.172.500
- Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Cấp và Thiết Bị Việt Đức	3.837.754.600	1.729.900.600
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	3.316.798.334	275.537.653
- Các đối tượng khác	65.385.842.868	88.939.866.166
Cộng (*)	96.448.533.102	134.731.865.138

(*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	14.292.696.808	17.799.067.318
- Công ty TNHH Wenwu	4.485.652.532	11.310.053.769
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	2.945.675.632	469.700.000
- Yangtze Optial Fibre and Cable Joint stock	2.127.097.293	63.530.034
- Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Trang Lộc	820.037.000	-
- Các đối tượng khác	3.914.234.351	5.955.783.515
Cộng	14.292.696.808	17.799.067.318

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	-	5.500.000.000
- Lâm Quy Chương	-	5.500.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	25.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên (1)	10.000.000.000	-
- Phạm Thị Tiên (2)	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức (3)	5.000.000.000	-
Cộng	25.000.000.000	5.500.000.000

(1) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/16 ngày 10/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm.

(2) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 05/VK-PTT/16 ngày 12/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm.

(3) Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QĐ/16 ngày 20/06/2016, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	831.602.256	-	722.432.483	-
- Ông Lâm Quy Chương	692.744.768	-	84.050.323	-
- Tạm ứng của các bên liên quan	138.857.488	-	638.382.160	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.564.671.566	-	2.964.708.248	-
- Tạm ứng của các bên khác	1.058.040.139	-	638.222.992	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.301.686.746	-	1.761.206.217	-
- Các đối tượng khác	204.944.681	-	565.279.039	-
Cộng	4.396.273.822	-	3.687.140.731	-

5.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	381.928.829	-	381.928.829	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	381.928.829	-	381.928.829	-
Cộng	381.928.829	-	381.928.829	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.160.328.273)	(4.524.917.564)
Trích lập dự phòng bổ sung	(796.709.336)	(635.410.709)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Xử lý công nợ đã lập dự phòng	558.301.460	-
Số cuối năm	(5.398.736.149)	(5.160.328.273)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	67.504.622.310	(399.381.508)	59.386.088.137	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	253.309.091	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.512.822.911	-	612.101.427	-
Thành phẩm	48.328.448.091	(5.852.973.284)	42.763.099.004	(3.143.742.935)
Hàng hóa	48.707.496.398	(3.147.977.754)	86.683.044.684	-
Cộng (*)	169.053.389.710	(9.400.332.546)	189.697.642.343	(3.143.742.935)

(*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại Thuyết minh V.20.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất	1.863.237.936	1.692.299.318
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	3.972.132.129	3.217.389.773
Cộng (*)	5.835.370.065	4.909.689.091

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn :

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.909.689.091	1.780.275.877
Phát sinh trong năm	7.552.429.581	3.826.951.867
Phân bổ trong năm	(6.626.748.607)	(697.538.653)
Cộng	5.835.370.065	4.909.689.091

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.822.158.640	214.406.224.266	13.472.234.829	960.690.728	582.385.154	258.243.693.617
Tăng trong năm	20.102.294.485	21.340.387.062	666.818.182	3.892.544.778	-	46.002.044.507
- Mua trong năm	-	21.340.387.062	666.818.182	3.892.544.778	-	25.899.750.022
-Đầu tư XD/CB hoàn thành	20.102.294.485	-	-	-	-	20.102.294.485
Giảm trong năm	-	(606.268.000)	-	-	-	(606.268.000)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	(606.268.000)	-	-	-	(606.268.000)
Số cuối năm (*)	48.924.453.125	235.140.343.328	14.139.053.011	4.853.235.506	582.385.154	303.639.470.124
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	3.281.403.448	79.220.021.447	5.711.041.688	590.500.928	-	88.802.967.511
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.250.686.136	139.445.476.276	7.723.645.244	729.805.810	105.152.879	157.254.766.342
Khấu hao trong năm	1.334.220.122	14.023.311.358	1.167.608.751	84.958.362	97.064.196	16.707.162.789
Giảm trong năm	-	(173.977.766)	-	-	-	(173.977.766)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	(173.977.766)	-	-	-	(173.977.766)
Số cuối năm	10.584.906.258	153.294.809.865	8.891.253.995	814.764.172	202.217.075	173.787.951.365
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	19.571.472.504	74.960.747.990	5.748.589.585	230.884.918	477.232.275	100.988.927.275
Số cuối năm	38.339.546.867	81.845.533.463	5.247.799.016	4.038.471.334	380.168.079	129.851.518.759

(*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 12.074.826.860 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc, thiết bị (*)</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.182.740.240	3.182.740.240
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	3.182.740.240	3.182.740.240
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	53.045.670	53.045.670
Khấu hao trong năm	318.274.020	318.274.020
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	371.319.690	371.319.690
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	3.129.694.570	3.129.694.570
Số cuối năm	2.811.420.550	2.811.420.550

(*) Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Bản quyền, phần mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.628.429.473	468.973.406	7.097.402.879
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.628.429.473	468.973.406	7.097.402.879
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	280.835.906	280.835.906
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.326.499.482	340.421.845	3.666.921.327
Khấu hao trong năm	299.725.884	23.517.180	323.243.064
Số cuối năm	3.626.225.366	363.939.025	3.990.164.391
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.301.929.991	128.551.561	3.430.481.552
Số cuối năm	3.002.204.107	105.034.381	3.107.238.488

(*) Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 3.002.204.107 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	8.017.739.858	24.839.503.970	(20.102.294.485)	(2.319.260.354)	10.435.688.989
Xây nhà xưởng quốc lộ 1K	8.017.739.858	8.420.864.227	(16.438.604.085)	-	-
Nâng cấp nhà kho xưởng nhựa	-	2.930.200.000	(2.930.200.000)	-	-
Thi công tầng trạm CS	-	733.490.400	(733.490.400)	-	-
Các công trình XD CB dở dang khác	-	12.754.949.343	-	(2.319.260.354)	10.435.688.989
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-	-
Cộng	8.017.739.858	24.839.503.970	(20.102.294.485)	(2.319.260.354)	10.435.688.989

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khấu hao QSDĐ từ năm 2004 đến năm 2007	392.000.000	392.000.000
- Khấu hao máy móc thiết bị năm 2009	159.926.228	1.140.418.774
- Chi phí lãi vay	-	-
Cộng	551.926.228	1.532.418.774

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	124.005.378.467	124.005.378.467	163.471.781.081	163.471.781.081
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân VN	95.980.948.235	95.980.948.235	112.653.316.900	112.653.316.900
- Công ty TNHH Quốc tế Maxxis	3.329.022.578	3.329.022.578	19.173.109.770	19.173.109.770
- Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	2.895.343.000	2.895.343.000	1.287.044.500	1.287.044.500
- Công ty Cp Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường	2.225.074.503	2.225.074.503	3	3
- Các nhà cung cấp khác	19.574.990.151	19.574.990.151	30.358.309.908	30.358.309.908
Cộng	124.005.378.467	124.005.378.467	163.471.781.081	163.471.781.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	803.496.613	1.632.550.672
- Công ty TNHH Một Thành Viên 3 BEST	131.039.462	131.039.462
- Công ty TNHH MTV SX TM Điện Thắng	114.745.360	550.061.883
- Các nhà cung cấp khác	557.711.791	951.449.327
Cộng	803.496.613	1.632.550.672

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	-	-	14.389.318.884	(14.251.306.762)	138.012.122	-
- Thuế NK	-	379.889.102	4.742.396.580	(4.301.297.795)	61.209.683	-
- Thuế NK hàng bảo thuế	-	10.369.324	-	-	-	10.369.324
- Thuế TNDN	4.584.810.425	-	10.881.700.892	(7.126.721.224)	8.339.790.093	-
- Thuế TNCN	31.729.664	-	1.154.191.995	(1.054.240.012)	131.681.647	-
- Thuế khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.616.540.089	390.258.426	31.167.608.351	(26.733.565.793)	8.670.693.545	10.369.324

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.053.336.044	29.390.439.284
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.676.454.774	1.227.995.651
+ Chi phí không được trừ	2.676.454.774	1.227.995.651
- Các khoản điều chỉnh giảm	(321.286.359)	(468.637.104)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	-	(468.637.104)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	(321.286.359)	-
Thu nhập chịu thuế	54.408.504.460	30.149.797.831
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.881.700.892	6.632.955.523

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

17. Phải trả người lao động

Là lương tháng 12 và tháng 13 còn phải chi.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả.

19. Phải trả ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	261.737.472.351	261.737.472.351	226.750.627.650	226.750.627.650
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	22.148.743.925	22.148.743.925	24.612.619.900	24.612.619.900
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn ⁽²⁾	36.272.196.620	36.272.196.620	29.920.757.600	29.920.757.600
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	28.360.032.597	28.360.032.597	14.138.016.200	14.138.016.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương ⁽⁴⁾	32.932.477.314	32.932.477.314	28.117.517.582	28.117.517.582
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM ⁽⁵⁾	56.281.461.555	56.281.461.555	55.864.495.500	55.864.495.500
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	48.795.062.470	48.795.062.470	44.124.658.468	44.124.658.468
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai ⁽⁷⁾	30.452.171.750	30.452.171.750	29.972.562.400	29.972.562.400
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM ⁽⁸⁾	5.625.377.120	5.625.377.120	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	869.949.000	869.949.000	869.949.000	869.949.000
Cộng	261.737.472.351	261.737.472.351	227.620.576.650	227.620.576.650

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này. Hạn mức tín dụng : 50.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và quyền sử dụng đất số VNM 101460/L.
- (2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 96.HDTD.VIB625.16 ngày 20 tháng 06 năm 2016. Hạn mức tín dụng : 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do VIB phát hành (Xem T.Minh V.1.1); Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.7).
- (3) Là khoản vay Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina Chi nhánh Bình Dương, theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 240-27-0804 ngày 01 tháng 09 năm 2011 và phụ lục hợp đồng ANCR/240-27-0804/084 ngày 09 tháng 10 năm 2015. Hạn mức tín dụng : 29.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Xem T.Minh V.11).
- (4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 020BA16 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Hạn mức tín dụng : 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (Xem T.Minh V.11); Máy móc thiết bị (Xem T.Minh V.9); Hợp đồng tiền gửi số 028CTA13 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành (Xem T.Minh V.1.1); Quyền sử dụng đất số : CB908157 tọa lạc khu phố Bình Thung 1, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương của Ông Lâm Quy Chương cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Bình Dương.
- (5) Là khoản vay Ngân Hàng BPCE (tên cũ là Ngân hàng Natixis) – Chi nhánh TP HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-557845-2016 ngày 16/9/2016. Hạn mức tín dụng : 3.000.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.2 và V.7).
- (6) Là khoản vay Ngân Hàng Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng tín dụng số MBB/HCMC/LO/2015/VCOM/01 ngày 22 tháng 4 năm 2015. Hạn mức tín dụng : 2.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.2 và V.7).
- (7) Là khoản vay 7.Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 802-10.2015/HĐTDHM-PN/TPBANK-DNI ngày 19/10/2015. Hạn mức tín dụng : 30.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) (Xem T.Minh VIII.6).
- (8) Là khoản vay 8.Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015. Hạn mức tín dụng : 1.500.000 USD. Lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo cá nhân của Ông Lâm Quý Chương 1.500.000 USD; Hàng hóa tồn kho luân chuyển với giá trị 1.200.000 USD; Máy móc thiết bị với giá trị tương đương 9,5 tỷ đồng; Xe ô tô Toyota Camry, biển số 61H.6549 và Isuzu MQR75L biển số 61P.0957. (Xem T.Minh V.9).

20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	3.759.500.000	3.759.500.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	3.759.500.000	3.759.500.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	797.453.247	797.453.247	1.667.402.247	1.667.402.247
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease ⁽²⁾	797.453.247	797.453.247	1.667.402.247	1.667.402.247
Cộng	4.556.953.247	4.556.953.247	1.667.402.247	1.667.402.247

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTD-DN ngày 29/3/2016 (Hạn mức: 20.000.000.000 VNĐ), với mục đích bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13.

⁽²⁾ Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống (*)	869.949.000	869.949.000
Trên 1 năm đến 5 năm	797.453.247	1.667.402.247
Trên 5 năm	-	-
Cộng	1.667.402.247	2.537.351.247

(*) Khoản trả nợ thuê tài chính dưới 1 năm được trình bày ở khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán (Xem T.Minh V20.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	2.063.235.335	1.685.808.249
- Trích lập trong năm	4.530.876.720	2.276.526.902
- Sử dụng trong năm	<u>(3.807.638.108)</u>	<u>(1.899.099.816)</u>
Cộng	<u>2.786.473.947</u>	<u>2.063.235.335</u>

22. Vốn chủ sở hữu**22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	-	12.787.455.118	19.936.985.454	162.724.440.572
- Tăng trong năm trước	-	-	1.137.170.950	22.654.383.598	23.791.554.548
- Giảm trong năm trước	-	-	-	(16.411.512.852)	(16.411.512.852)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	130.000.000.000	-	13.924.626.068	26.179.856.200	170.104.482.268
- Tăng trong năm nay	70.000.000.000	14.000.000.000	-	40.191.142.606	124.191.142.606
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	40.191.142.606	40.191.142.606
+ Tăng từ phát hành cổ phần	70.000.000.000	14.000.000.000	-	-	84.000.000.000
- Giảm trong năm	-	(2.615.880.000)	-	(24.030.876.720)	(26.646.756.720)
+ Phân phối trong năm	-	-	-	(24.030.876.720)	(24.030.876.720)
+ Chi phí phát hành cổ phần	-	(2.615.880.000)	-	-	(2.615.880.000)
Số dư cuối năm	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	42.340.122.086	267.648.868.154

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	70.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(19.485.137.000)	(14.276.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

22.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

22.4 Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	26.179.856.200
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	40.191.142.606
Giảm trong năm (*)	(24.030.876.720)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2015	(4.530.876.720)
- Cổ tức phải trả năm 2015	(19.500.000.000)
Số dư cuối năm	42.340.122.086

(*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Nghị quyết số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thành phẩm	350.991.449.340	320.711.841.081
- Doanh thu hàng hóa	795.812.191.394	735.172.535.057
Cộng	<u>1.146.803.640.734</u>	<u>1.055.884.376.138</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	279.098.032.346	296.485.863.030
- Giá vốn hàng hóa	750.280.881.946	679.828.834.472
- Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	6.256.589.611	122.017.112
Cộng	<u>1.035.635.503.903</u>	<u>976.436.714.614</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.934.223.925	1.274.838.956
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	117.794.432	168.744.324
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối trong năm	535.616.972	788.054.461
- Lãi từ cho vay cá nhân	734.805.556	-
Cộng	<u>3.322.440.885</u>	<u>2.231.637.741</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	19.241.995.781	16.501.940.017
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	396.297.149	1.114.746.086
- Chi phí tài chính khác	176.716.203	32.623.088
Cộng	<u>19.815.009.133</u>	<u>17.649.309.191</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	8.738.870.570	7.403.040.760
- Chi phí công cụ, dụng cụ	8.298.182	7.650.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	765.662.632	446.351.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.729.041.016	10.454.711.921
- Các chi phí khác	172.464.290	131.314.401
Cộng	<u>23.414.336.690</u>	<u>18.443.068.506</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.798.933.001	5.359.073.901
Chi phí công cụ dụng cụ	6.436.363	90.588.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.662.718	763.596.606
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	332.523.401	796.100.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.749.315.524	7.452.532.481
Các chi phí khác	2.720.674.822	1.221.725.588
Cộng	<u>19.354.545.829</u>	<u>15.683.617.446</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	331.375.267	-
Thu nhập khác	820.969.469	667.841.081
Cộng	<u>1.152.344.736</u>	<u>667.841.081</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí xử lý công nợ (*)	904.035.644	-
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	-	721.760.635
Chi phí khác	101.659.112	458.945.284
Cộng	<u>1.005.694.756</u>	<u>1.180.705.919</u>

(*) Chi phí xử lý công nợ được hạch toán theo Biên bản họp số 051/BBH/HĐQT/VCOM/16 của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 28/10/2016.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	980.492.546	103.100.163
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	<u>980.492.546</u>	<u>103.100.163</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.191.142.606	22.654.383.598
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.019.114.261)	(4.530.876.720)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.172.028.345	18.123.506.878
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	14.764.384	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>2.450</u>	<u>1.394</u>

(*) Năm nay: Được xác định tạm tính bằng 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản họp của HĐQT.

Năm trước: Đây là khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 150/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2016 ngày 29/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	40.191.142.606	22.654.383.598
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.019.114.261)	(4.530.876.720)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	36.172.028.345	18.123.506.878
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	14.764.384	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>2.450</u>	<u>1.394</u>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.764.384	13.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- Trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
- Các quyền chọn đã được mua	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>14.764.384</u>	<u>13.000.000</u>

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	335.936.888.739	393.424.404.982
- Chi phí nhân công	32.953.893.612	26.007.831.860
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.348.679.873	15.067.088.410
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.969.853.429	30.781.962.187
- Chi phí khác	4.058.132.669	7.318.785.690
Cộng	<u>430.267.448.322</u>	<u>472.600.073.129</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	785.234.721.516	731.025.084.637
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>785.234.721.516</u>	<u>731.025.084.637</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	747.793.300.315	729.991.879.184
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>747.793.300.315</u>	<u>729.991.879.184</u>

VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập đã phát sinh trong năm	2.449.200.000	1.979.668.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.2 Giao dịch và số dư với Ông Lâm Quy Chương – Hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.**3.2.1 Các giao dịch thực hiện trong năm:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cho vay	9.500.000.000	2.000.000.000
- Thu tiền vay	15.000.000.000	4.300.000.000
- Thu tiền tạm ứng	255.000.000	225.000.000
- Phải thu khác	608.694.445	84.050.323
- Tạm ứng	30.000.000	-

3.2.2 Số dư cuối năm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	5.500.000.000
- Phải thu khác	692.744.768	84.050.323
- Tạm ứng	30.000.000	255.000.000

3.2.3 Bảo đảm cá nhân của Ông Lâm Quy Chương

Trong năm ông Lâm Quy Chương đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho Công ty tại Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM (Thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cấp, nhựa.
- Hàng hóa: là vỏ xe.

➤ Năm nay

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.991.449.340	795.812.191.394	1.146.803.640.734
Giá vốn hàng bán	283.287.292.714	752.348.211.189	1.035.635.503.903
Lợi nhuận gộp	67.704.156.626	43.463.980.205	111.168.136.831

➤ Năm trước

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.711.841.081	735.172.535.057	1.055.884.376.138
Giá vốn hàng bán	296.607.880.142	679.828.834.472	976.436.714.614
Lợi nhuận gộp	24.103.960.939	55.343.700.585	79.447.661.524

Khu vực địa lý**➤ Năm nay**

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.039.964.503.691	106.839.137.043	1.146.803.640.734
Giá vốn hàng bán	939.042.568.591	96.592.935.312	1.035.635.503.903
Lợi nhuận gộp	100.921.935.100	10.246.201.731	111.168.136.831

➤ Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	989.097.333.065	66.787.043.073	1.055.884.376.138
Giá vốn hàng bán	914.674.913.426	61.761.801.188	976.436.714.614
Lợi nhuận gộp	74.422.419.639	5.025.241.885	79.447.661.524

5. Tài sản đảm bảo**➤ Công ty đã thế chấp:**

- Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Thuyết minh V.11);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Số lượng 3.035.602 cổ phiếu giá trị 30.356.020.000 đồng do Ông Lâm Quy Chương sở hữu đang được quản lý tại Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, cho các khoản vay ngắn hạn (Xem Thuyết minh số V.20).
- Nợ phải thu luân chuyển (Thuyết minh V.2);
- Hàng tồn kho luân chuyển (Thuyết minh V.7);
- Máy móc thiết bị (Thuyết minh V.9);
- Xe ô tô Toyota Camry, biển số 61H.6549 và Isuzu MQR75L biển số 61P.0957 (Thuyết minh V.9);
- 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13 (Thuyết minh V.9).
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành (Thuyết minh V.1.1);
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành (Thuyết minh V.1.1).

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Biên bản họp của HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh ngày 24/03/2017, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật đối với Ông Lâm Quy Chương từ ngày 24/03/2017 và bổ nhiệm Ông Lương Minh Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc